

Bản án số: 69/2022/KDTM-PT
Ngày: 12-10-2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng hợp
tác đầu tư”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy

Ông Dương Tuấn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 12-10-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 54/2015/TLPT-KDTM ngày 30-10-2015 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư”. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 665/2015/KDTM-ST ngày 07-7-2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1708/2022/QĐ - PT ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trần B, sinh năm 1950 (có mặt).

Địa chỉ: USA.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B: Ông Ngô Quang X, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Phường Phạm Ngũ L, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp: Bà Trần Thị H là Luật sư của Văn phòng luật sư Sài Gòn thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lâm Thành G, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Lê Quốc L, sinh năm 1954 (có mặt)

3.2 Bà Vũ Thị Ngọc H1, sinh năm 1961 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Phường Bến N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3 Bà Tăng Thị Thu L1, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4 Công ty Cổ phần Lập Gia B1

Địa chỉ: Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty: Ông Lâm Thành G là đại diện theo pháp luật (có mặt).

3.5 Ủy ban nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 185 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Trần B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09-9-2013 và đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện lập ngày 10-7-2014 và ngày 08-6-2015 của nguyên đơn - ông Nguyễn Trần B lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa như sau:

Ông Lê Quốc L, bà Vũ Thị Ngọc H1, ông Lâm Thành G và ông Nguyễn Trần B cùng thỏa thuận ký hợp đồng hợp tác đầu tư và phụ lục hợp đồng ngày 26/8/2008 mục đích để kinh doanh bất động sản và thành lập Công ty cổ phần Lập Gia B1 để cùng đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng tại khu đất 19B Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh (19 B Võ Văn Tần). Để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng thì các bên có ký kết hợp đồng đặt cọc cùng ngày 26-8-2008 với nội dung ông B sẽ đặt cọc cho ông Lê Quốc L số tiền 180.000 USD. Số tiền này được trừ vào tiền góp vốn khi Công ty cổ phần Lập Gia B1 được thành lập.

Theo hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 26-8-2008 thì ông B góp 1.800.000 Dollar Mỹ, ông G góp 200m² đất tại tầng trệt tại căn nhà 19B Võ Văn Tần, ông L góp 440m² đất tại căn nhà 19B Võ Văn Tần. Sau khi ông G và ông B góp đủ thì toàn bộ khu đất tại địa chỉ 19B Võ Văn Tần sẽ chuyển thành tài sản của Công ty cổ phần Lập Gia B1.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 01/9/2008, Công ty cổ phần Lập Gia B1 đã thành lập với 3 cổ đông là ông L, ông G và ông B theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103011225 do Sở kế hoạch và đầu tư TP.HCM, công ty có trụ sở tại 19B Võ Văn Tần do ông G làm đại diện pháp luật với cơ cấu góp vốn điều lệ: Ông L 40% giá trị cổ phần là 38.400.000.000 đồng, ông B 30% giá trị cổ phần là 28.800.000.000 đồng và ông G 30% giá trị cổ phần là 28.800.000.000 đồng.

Ngày 10-9-2008 và 25-9-2008, ông B đã chuyển tiền 2 lần tổng cộng 1.800.000 Dollar Mỹ từ Mỹ về Việt Nam vào tài khoản số 8807237 của Công ty cổ phần Lập Gia B1 tại Ngân hàng VPbank do ông G với tư cách đại diện theo pháp luật của Công ty đứng tên chủ tài khoản. Tuy nhiên cho đến nay thì chỉ có ông L thực hiện việc góp vốn còn ông G vẫn chưa thực hiện việc góp vốn như thỏa thuận tại hợp đồng. Việc ông Lâm Thành G không góp vốn là đã vi phạm hợp đồng, cụ thể: Không thực hiện việc góp vốn là 200m² tại tầng trệt của căn nhà số 19B Võ Văn Tần không hoàn tất các thủ tục pháp lý về việc chuyển sở hữu khu đất 200m² nêu trên cho Công ty cổ phần Lập Gia B1 như đã thỏa thuận tại khoản 2 Điều 2 Hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo khoản 1 Điều 6 của hợp đồng đặt cọc và Điều 2 hợp đồng hợp tác đầu tư do ông G vi phạm hợp đồng nên ông B được rút lại 100% vốn và ông G phải chịu phần tiền lãi bằng lãi suất tính bằng Dollar Mỹ. Do vậy, nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu ông G, ông L, bà H1 và Công ty cổ phần Lập Gia B1 phải liên đới trả lại số tiền góp vốn là 1.800.000 Dollar Mỹ tương đương 37.530.000.000 VND và tiền lãi

theo lãi suất do ngân hàng Nhà nước quy định trên số tiền góp là 1.800.000 Dollar Mỹ tính từ ngày 10-9-2008 đến ngày 10-9-2014 là 27.537.300.000 đồng.

Ngoài ra yêu cầu ông G phải bồi thường thiệt hại các chi phí phát sinh cho ông B do phải đi lại từ Hoa Kỳ về Việt Nam là 1.037.490.939 đồng.

Theo đơn khởi kiện ngày 09-9-2013 thì nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Lâm Thành G phải trả lại 950.000 Dollar Mỹ mà ông B đã góp theo hợp đồng. Nay nguyên đơn xác định khoản tiền 950.000 Dollar Mỹ và tiền lãi phát sinh không còn liên quan đến hợp đồng cam kết thỏa thuận hợp tác đầu tư nên nguyên đơn đã có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Không yêu cầu tranh chấp số tiền 950.000 Dollar Mỹ.

Bị đơn ông Lâm Thành G trình bày: Xác nhận có ký hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 26-8-2008 với ông Nguyễn Trán B và ông Lê Quốc L. Hợp đồng hợp tác đầu tư được ký kết mục đích là thành lập Công ty cổ phần Lập Gia B1 để kinh doanh bất động sản. Công ty Lập Gia B1 đã được thành lập sau 2 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Ông Lâm Thành G không vi phạm hợp đồng như lời trình bày của nguyên đơn. Vào thời điểm ký hợp đồng thì 200m² tại tầng trệt căn nhà số 19B Võ Văn Tần mà ông có nghĩa vụ góp vốn thuộc sự quản lý của Ủy ban nhân dân Quận 3 giao cho Hội Liên hiệp phụ nữ Quận 3 sử dụng. Do thủ tục thực hiện việc hoán đổi phức tạp cần có thời gian hoán đổi chứ không phải ông không thực hiện như phần trình bày của phía nguyên đơn. Ngày 18-11-2013, ông Lê Quốc L với tư cách chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Lập Gia B1 ký Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT chấp nhận việc chuyển nhượng căn nhà số 105 Vườn Chuối Quận 3 cho Công ty cổ phần Lập Gia B1 để tiếp tục tiến hành các thủ tục hoán đổi. Ngày 11-3-2014 Ủy ban nhân dân Thành phố đã cấp quyền sở hữu đối với căn nhà 105 Vườn Chuối cho Công ty Lập Gia B1. Từ ngày 18-3-2009 Công ty Lập Gia B1 chính thức có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện việc hoán đổi và được Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tiếp nhận đề xuất hướng xử lý là giao Sở tài chính làm việc với Ủy ban nhân dân Quận 3 để triển khai thực hiện. Từ đó đến nay thủ tục hoán đổi được thực hiện liên tục thể hiện bằng các văn bản chỉ đạo hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền. Đến ngày 01-8-2014 thì Sở tài chính mới có văn bản trả lời đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố chấp nhận việc hoán đổi căn nhà 105 Vườn Chuối, Quận 3 thuộc quyền sở hữu của Công ty Lập Gia B1 với tầng trệt căn nhà 19B Võ Văn Tần. Ngày 24-6-2015, Sở tài chính đã có văn bản số 4564/STC-BVG gửi Ủy Ban Nhân Dân Quận 3 và Công ty Lập Gia B1 để thông báo việc hồ sơ định giá đã được chuyển qua Sở tài nguyên môi trường để thực hiện việc hoán đổi căn nhà 105 Vườn Chuối với mặt bằng tầng trệt căn nhà 19B Võ Văn Tần. Hiện hồ sơ sang tên đối với hai tài sản này đang được thực hiện.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không chấp nhận vì toàn bộ số tiền 1.800.000 Dollar Mỹ mà ông B gửi về đã được ngân hàng VPbank chuyển qua tiền đồng Việt nam là 28.800.000.000 đồng để góp vào Công ty Lập Gia B1 và đã được Công ty đưa vào vốn điều lệ. Khi chuyển tiền thì ông B cũng chuyển vào tài khoản của Công ty Lập Gia B1 chứ không phải chuyển cho cá nhân ông.

Pháp nhân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần Lập Gia B1 có ông Lâm Thành G làm đại diện theo pháp luật trình bày: Xác nhận khoản tiền

1.800.000 Dollar Mỹ mà ông B chuyển về vào ngày 16-9-2008 và 26-9-2008 đã được quy đổi thành 28.800.000.000 đồng để góp vào Công ty Lập Gia B1 và được Công ty đưa vào vốn điều lệ. Trường hợp ông B muốn rút vốn thì Công ty chấp nhận nhưng phải thực hiện thủ tục chuyển nhượng vốn góp theo Luật doanh nghiệp quy định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Quốc L, bà Vũ Thị Ngọc H1 và bà Tăng Thị Thu L1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân Quận 3 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có Văn bản số 1113/UBND lập ngày 09-10-2014 xác định không liên quan đến tranh chấp của các thành viên Công ty Lập Gia B1 trong vụ án nêu trên.

Ý kiến trình bày của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn: Tại khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng hợp tác đầu tư đã xác định nghĩa vụ của ông G về phần vốn góp của mình trong hạn 12 tháng nhưng ông Lâm Thành G đã không thực hiện là vi phạm những thỏa thuận tại hợp đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, từ việc vi phạm hợp đồng của ông G khiến cho nguyên đơn phải tốn kém chi phí đi lại giữa Việt nam và Hoa Kỳ để giải quyết công việc nên yêu cầu ông G bồi thường chi phí đi lại và ăn ở từ ngày 09-01-2008 đến ngày 11-9-2004 tổng cộng 1.037.490.939 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 665/2015/KDTM-ST ngày 07 tháng 7 năm 2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Áp dụng Điều 29, 34, 35; Khoản 1 Điều 131; Khoản 2 Điều 199; Điều 210 và khoản 2 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2011).

Áp dụng pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009 ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí của Tòa án có hiệu lực ngày 01-7-2009, Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự có hiệu lực ngày 01-7-2009.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - ông Nguyễn Trần B buộc ông Lâm Thành G, ông Lê Quốc L, bà Vũ Thị Ngọc H1 và Công ty cổ phần Lập Gia B1 phải liên đới trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Trần B khoản tiền góp vốn được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam là 37.530.000.000 đồng và tiền lãi là 27.537.300.000 đồng theo hợp đồng hợp tác đầu tư lập ngày 26-8-2008.

- Yêu cầu ông Lâm Thành G thanh toán cho ông Nguyễn Trần B tiền chi phí bồi thường thiệt hại là 1.037.490.939 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi ông Lâm Thành G phải trả lại khoản tiền 950.000 USD.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20-7-2015 nguyên đơn ông Nguyễn Trần B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Trần B là ông Ngô Quang X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Trần B là Luật sư Trần Thị H trình bày: Trong thời hạn 12 tháng ông G phải thực hiện được việc góp vốn tài sản 200m² đất, nếu không thực hiện thì phải hoàn trả lại cho ông B số tiền 1.800.000 Dollar Mỹ. Ông B đã yêu cầu ông G, ông L, bà H1 và Công ty Lập Gia B1 trả lại số tiền nêu trên nhiều lần nhưng không được thực hiện được nên ông B khởi kiện yêu cầu ông G, ông L, bà H1 và Công ty Lập Gia B1 trả lại phần tiền đã chuyển vào Công ty. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét toàn diện nội dung vụ việc mà bác yêu cầu khởi kiện của ông B là không có căn cứ. Với yêu cầu khởi kiện của ông B thì đây là tranh chấp giữa các thành viên công ty về việc góp vốn của các thành viên. Tòa sơ thẩm xác định ông G là bị đơn là có thiếu sót. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Trần B là ông Ngô Quang X trình bày: Ban đầu nguyên đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư, do ông G không thực hiện việc góp vốn đầu tư vào công ty theo thỏa thuận nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông B. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm giao về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Nguyên đơn ông Nguyễn Trần B trình bày: Thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm theo ý kiến của Luật sư và người đại diện theo ủy quyền.

Bị đơn ông Lâm Thành G trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn vì ông G và ông B đã thỏa thuận để cho ông G mua lại cổ phần của ông B, ông G đồng ý mua lại cổ phần của ông B là 28.800.000.000 đồng, số tiền bồi thường thêm 300.000 USD. Ông G đã chuyển 200.000.000 đồng và đưa tiền mặt 50.000 USD với điều kiện ông B phải rút đơn kháng cáo và đơn khởi kiện. Tuy nhiên ông B vẫn không rút đơn khởi kiện, nên ông G chưa thực hiện việc góp vốn. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Quốc L, bà Vũ Thị Ngọc H1 trình bày: Do hiểu biết của ông L về Công ty cổ phần hạn chế, nên việc thành lập công ty nhưng không đưa vào hoạt động được và các tài sản của ông L góp vào công ty bị tê liệt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật để chấm dứt hoạt động công ty này vì nội bộ công ty có mâu thuẫn và thời gian kéo dài không hoạt động được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Ở giai đoạn xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đại diện viện kiểm sát cũng phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu kháng cáo, nhận thấy bản án sơ thẩm giải quyết vụ án có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự xử bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Trần B, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Trần B trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Trần B khởi kiện đòi ông Lâm Thành G, ông Lê Quốc L, bà Vũ Thị Ngọc H1 và Công ty cổ phần Lập Gia B1 phải trả lại khoản tiền góp vốn là 1.800.000 USD. Theo hợp đồng hợp tác đầu tư thì các bên thỏa thuận góp vốn bằng ngoại tệ. Tuy nhiên, trên thực tế thì ông B chuyển tiền vào tài khoản của Công ty cổ phần Lập Gia B1 tại ngân hàng VPbank và đã được ngân hàng chuyển thành tiền đồng Việt Nam, như vậy tiền góp vốn của ông B chuyển vào tài khoản của Công ty cổ phần Lập Gia B1.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp bao gồm: Hợp đồng hợp tác đầu tư do ông Lê Quốc L, bà Vũ Thị Ngọc H1, ông Lâm Thành G và ông Nguyễn Trần Bình ký ngày 26-8-2008; Hợp đồng đặt cọc ngày 26/8/2008 đối chiếu với lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Trần Bình và bị đơn ông Lâm Thành G tại Tòa án thì có đủ cơ sở xác định mục đích ký kết hợp đồng hợp tác ngày 26/8/2008 là thành lập Công ty cổ phần Lập Gia B1 nhằm thực hiện dự án xây cao ốc văn phòng tại số 19B Võ Văn Tần. Theo hợp đồng thì ông B góp số tiền 1.800.000 USD, còn ông G phải góp bằng 200m² đất thuộc tầng trệt căn nhà 19B Võ Văn Tần và ông L góp bằng 440m² (thuộc chủ quyền của ông L tại căn nhà 19B Võ Văn Tần). Sau khi ông G và ông B góp đủ thì toàn bộ khu đất sẽ chuyển thành tài sản của Công ty Lập Gia B1.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103011225 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 01-9-2008 cấp cho Công ty Lập Gia B1 thì ông Lê Quốc L, ông Lâm Thành G và ông Nguyễn Trần B là thành viên sáng lập Công ty với tỉ lệ vốn góp cụ thể: Ông L 40% tương ứng 3.840.000 cổ phần phổ thông trị giá 38.400.000.000 đồng, ông G 30% tương ứng 2.880.000 cổ phần phổ thông trị giá 28.800.000.000 đồng và ông B 30% tương ứng với 2.880.000 cổ phần phổ thông trị giá 28.800.000.000 đồng. Ngày 16/9/2008 và ngày 26-9-2008, ông B đã chuyển tổng cộng 1.800.000 USD (Dollar Mỹ) vào tài khoản của Công ty cổ phần Lập Gia B1 và được quy đổi với số cổ phần là 2.880.000 cổ phần phổ thông trị giá 28.800.000.000 đồng. Phần góp bằng 440m² thuộc chủ quyền của ông L cũng đã chuyển thành tài sản của Công ty Lập Gia B1 với phần giá trị mà các bên thỏa thuận tương đương 40% vốn góp vào Công ty.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự cũng xác định số tiền nêu trên được ông B chuyển vào tài khoản của Công ty Lập Gia B1. Như vậy, toàn bộ khoản tiền mà ông B đã góp theo hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 26-8-2008 đã được xác định là phần vốn góp của ông B tương đương 30% tỉ lệ vốn góp của Công ty Lập Gia B1.

[2.2] Xét nội dung hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 26-8-2008 nhận thấy: Tài sản góp vốn của ông G là tầng trệt căn nhà 19B Võ Văn Tần nhưng từ thời điểm ký hợp

đồng cho đến nay thì ông B và ông G đều xác định và biết rõ tầng trệt căn nhà 19B Võ Văn Tần vẫn chưa thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông G mà thuộc quyền sở hữu của nhà nước giao Ủy ban nhân dân Quận 3 quản lý. Tại Điều 2 của hợp đồng các bên có thỏa thuận thời hạn để ông G thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu là 12 tháng, nhưng ông G không thực hiện góp vốn bằng tài sản là tầng trệt căn nhà 19B Võ Văn Tần và cho đến nay ông G cũng chưa hoàn tất quyền sở hữu phần nhà này không đúng thời hạn là vi phạm hợp đồng nên ông B yêu cầu ông G, bà H1, ông L và Công ty Lập Gia B1 phải có trách nhiệm liên đới trả lại khoản tiền góp vốn là 1.800.000 USD theo Điều 2 hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 26-8-2022.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo:

[3.1] Xác định tư cách tham gia tố tụng:

Theo đơn khởi kiện cũng như lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Trần B yêu cầu ông Lâm Thành G, bà Vũ Thị Ngọc H1, ông Lê Quốc L và Công ty cổ phần Lập Gia B1 phải có trách nhiệm liên đới trả lại khoản tiền góp vốn là 1.800.000 USD cho ông B. Đồng thời, thể hiện trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thừa nhận số tiền góp vốn của ông B đã chuyển vào tài khoản của Công ty cổ phần Lập Gia B1. Do đó cần phải xác định tư cách tham gia tố tụng của Công ty cổ phần Lập Gia B1, ông Lâm Thành G, ông Lê Quốc L, bà Vũ Thị Ngọc H1 là bị đơn trong vụ án với đúng.

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự cũng xác định Công ty cổ phần Lập Gia B1 từ khi thành lập đến nay thì Công ty không có đi vào hoạt động. Ông Lâm Thành G cũng không có góp vốn 30% như hợp đồng đã thỏa thuận là diện tích 200m² tại tầng trệt của căn nhà số 19B Võ Văn Tần do có việc hoán đổi căn nhà 105 Vườn Chuối nhưng đến nay ông G cũng không thực hiện. Vấn đề này cũng chưa được cấp sơ thẩm làm rõ.

Đồng thời, bản án sơ thẩm cũng chưa làm rõ tài sản của Công ty cổ phần Lập Gia B1 gồm có những tài sản gì và cũng chưa có xác định tài chính của Công ty như thế nào, do ai quản lý tài sản cũng như phần vốn do ông B chuyển vào tài khoản của Công ty. Bởi lẽ các bên đương sự gồm ông B, ông L khẳng định công ty không có hoạt động và ông G thì chưa góp vốn vào Công ty, tuy nhiên cấp sơ thẩm không xác minh, làm rõ việc ông G không góp vốn vào đúng số vốn và thời hạn thỏa thuận có vi phạm hợp đồng hay không, có ảnh hưởng đến việc Công ty không đi vào hoạt động hay không là có thiếu sót.

Từ những cơ sở phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về tố tụng dẫn đến nội dung giải quyết vụ án mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, giao toàn bộ hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sẽ được xem xét giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lại vụ án.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do bản án bị hủy nên người có kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Trần B.

Tuyên xử:

1/. Hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 665/2015/KDTM-ST ngày 07-7-2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

2/. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Hoàn lại cho ông Nguyễn Trần B số tiền 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 08955 ngày 23-7-2015 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (7);
- Lưu: hồ sơ (2), VP (5), 19b (LTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Trần Văn Mười